



Tiếng Trung Yixin

Ngành Công nghệ Giáo dục - Trường Trung Quốc-Hà Nội

第八课练习



LIVEWORKSHEETS



01 排序部件

SẮP XẾP CÁC BỘ PHẬN ĐÃ CHO
THÀNH MỘT CHỮ HÁN HOÀN CHỈNH

Các bạn chỉ gõ số thứ tự các
bộ phận cần sắp xếp.



02 打汉字+朗读

GÕ VÀ ĐỌC TO CHỮ HÁN

Sau khi sắp xếp xong, các bạn
gõ chữ Hán vào ô vuông nhỏ,
tiếp theo nhấn vào kí hiệu
thu âm và đọc to chữ Hán ấy.





日

(1)

口

(2)

勾

(3)

Nhập đáp án sắp xếp như sau: 1-2-3

Gõ chữ Hán vào ô sau:

Đọc to chữ Hán:



尔

(1)

人

(2)

儿

(3)

Nhập đáp án sắp xếp như sau: 1-2-3

Gõ chữ Hán vào ô sau:

Đọc to chữ Hán:

卑 口

(1)

(2)

Nhập đáp án sắp xếp như sau: 1-2-3

Gõ chữ Hán vào ô sau:

Đọc to chữ Hán:

父

(1)

酉

(2)

ム

(3)

Nhập đáp án sắp xếp như sau: 1-2-3

Gõ chữ Hán vào ô sau:

Đọc to chữ Hán:



口

(1)

一

(2)

吉

(3)

Nhập đáp án sắp xếp như sau: 1-2-3

Gõ chữ Hán vào ô sau:

Đọc to chữ Hán: